

LÊ VĂN HÒE

LU'Ọ'C LUẬN VỀ
PHỤ - NỮ
VIỆT - NAM

TỦ SÁCH QUỐC-HỌC



QUỐC-HỌC THƯ-XÃ



Tên sách : LƯỢC LUẬN VỀ PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

Tác giả : LÊ VĂN HÒE

Nhà xuất bản : QUỐC-HỌC THU-XÃ

Năm xuất bản : 1944

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : conmeohoang

Kiểm tra chính tả : Trần Ngô Thế Nhân, Vũ Thị Xuân Hương

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 22/06/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả LÊ VĂN HÒE và nhà xuất bản QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

PHỤ-NỮ VIỆT-NAM THEO CHUYỆN CỔ-TÍCH

CHUYỆN TRẦU CAU

CHUYỆN CÔNG-CHÚA TIÊN-DONG

CHUYỆN TRƯỞNG-CHI

CHUYỆN VŨ-THỊ

CHUYỆN TÔ-THỊ

PHỤ-NỮ VIỆT-NAM THEO PHONG-DAO NGẠN-NGŨ

NGƯỜI CON GÁI

NGƯỜI VỢ

NGƯỜI MẸ

PHỤ NỮ VIỆT-NAM THEO VĂN-CHƯƠNG CŨ

BÍCH CÂU KỲ NGỘ

LƯU BÌNH – DƯƠNG LỄ

NGỌC HOA – PHẠM TÀI

PHƯƠNG HOA

TỔNG TRÂN – CÚC HOA

PHỤ-NỮ VIỆT-NAM THEO LỊCH-SỬ

NGƯỜI CỦA QUỐC-GIA XÃ-HỘI

NGƯỜI CỦA DANH-GIÁO

NGƯỜI CỦA VĂN-HỌC

LÊ VĂN HÒE
LƯỢC LUẬN VỀ PHỤ-NỮ
VIỆT-NAM
TỦ SÁCH QUỐC-HỌC
QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Permis d'imprimer n^o37 en date du 28 janvier 1944,
délivré par le Service local de H.P.P du Tonkin.
Tirago accordé 3039 exemplaires, imp. Thuy-ky, Hanoi.

« Bởi có tấm lòng yêu mến, bởi chí nhẫn-nại của mình mà người vợ, người mẹ làm cho cuộc đời hàng ngày được bình-tĩnh và êm đềm ; Cái từ-tâm, cái tình âu-yếm của người làm vợ, làm mẹ khiến cho tình ân-ái lan tỏa ra chung quanh mình để dù gặp những lúc khó-khăn đến đâu cũng có một cái can-đảm không gì lay-chuyển được mà càng đáng lấy... »

Duy chỉ các bà mới biết làm cho mọi người có lòng ham chuộng sự làm ăn, có cái ý-nghĩa về kỷ luật, có nét khiêm-tốn, có bụng kính-trọng, những cái ấy nó đào-tạo nên người lương-thiện, nên một dân-tộc hùng-cường... »

Thống-Chế PÊTAIN

« ...Khôi-phục những cốt cách tinh-thần, những cổ-điển quốc-túy làm cho dân-tộc ta có giá-trị và được vững-bền... »

Hoàng-đế BẢO-ĐẠI

Kính dâng

Hương-Hồn Thân-Mẫu

L.V.H.

PHỤ-NỮ VIỆT-NAM THEO CHUYỆN CỔ-TÍCH

Chuyện cổ-tích là những chuyện truyền-khẩu từ đời này sang đời khác, trải bao nhiêu thế-hệ, in sâu vào đầu óc quốc-dân, hầu như là sử mà không phải sử, hầu như là chuyện bịa-đặt hoang-đường mà không phải là bịa-đặt hoang-đường. Cổ-tích ở giữa hai thứ đó, nửa hình như có thật, nửa hình như tưởng-tượng ra. Nhưng nó vẫn là phản-ảnh của tinh-thần một dân-tộc, với tất cả cái màu-mè, cốt-cách của dân-tộc ấy.

Chuyện cổ-tích của dân-tộc này thì kể thế này, chuyện cổ-tích của dân-tộc khác thì kể thế khác, dù nhiều khi cốt chuyện vẫn là cốt chuyện chung, chẳng hạn như nạn Hồng-Thủy hoàn cầu, dân-tộc nào cũng truyền-khẩu, nhưng mỗi nơi truyền-khẩu một khác nhau.

Vậy thì, ta phải nhận rằng chuyện cổ-tích là cái hồn chung của một giống-nòi phát-tiết ra, vĩnh-viễn, bất-diệt, nếu nòi-giống ấy vẫn còn.

Chuyện cổ-tích đã là chuyện riêng của từng dân-tộc, thì nhân-vật trong chuyện cũng là người riêng của từng quê-hương.

Như vậy, chuyện cổ-tích cũng có thể cho ta ít nhiều tài-liệu để kê-cứu về tính-tình người Việt-Nam, thuần-túy. Ở đây chúng ta mượn cổ-tích để xét riêng về chị em bạn gái nước nhà.

CHUYỆN TRẦU CAU

Xưa có hai anh em họ Cao, anh là Tân, em là Lang, cha mẹ mất sớm, ở với nhau rất mực thân yêu, không hề rời nhau một bước. Sau anh được thầy học mến, gả con gái cho. Từ khi có vợ, Tân lãnh-đạm với em. Lang trơ-trọi ở đời, lấy làm buồn, bỏ nhà đi. Đi mãi đến bờ một con sông rộng mênh-mông. Thuyền bè không có. Lang thất vọng, ngồi khóc. Khóc mãi chết rạc đi, hóa làm một hòn đá. Thấy em đi mãi không về, Tân lấy làm

nhớ, đi tìm. Đi mãi thế nào cũng lại gặp con sông, thấy phiến đá liền ngồi lên nghỉ, có ý đợi thuyền bè để qua sông. Nhưng làm gì có thuyền bè, chàng buồn-chán ngồi khóc, không chịu trở về, khóc chết rạc đi, hóa làm cây cau. Vợ ở nhà thấy chồng đi mãi không về, rất lấy làm thương nhớ, liền cũng đi tìm. Cũng gặp sông, nàng ngồi lên phiến đá dưới bóng cây chờ đợi, rồi thất-vọng, nàng khóc rạc người đi hóa làm cây trầu không... Sau vua Hùng-Vương đặt lệ ăn trầu để kỷ-niệm một nhà tiết-nghĩa.

CHUYỆN CÔNG-CHÚA TIÊN-DONG

Công-chúa Tiên-Dong là con gái vua Hùng-Vương thứ ba, nhan-sắc tuyệt trần, 18 tuổi rồi mà vẫn chưa kén được kẻ xứng đôi vừa lứa.

Một ngày kia về tiết mùa hè, công chúa ngự thuyền chơi bãi Chử xá rồi sai buông màn tắm sông. Thành-linh gặp Chử-đồng-Tử ở đó, liền lấy làm chồng. Được tin công chúa lấy đứa hèn-hạ, Vua tức giận vô cùng. Tiên-Dong không dám về, cùng chồng buôn bán ngoài bể sau gặp Phật truyền phép lạ, vợ chồng đều thành tiên, đi đến đâu chỉ lấy cái gậy chống xuống đất rồi che cái nón lên làm nhà. Dân-gian có câu hát rằng :

*Yêu nhau chẳng lọ chiếu giường,
Có một cái nón che sương cũng tình.*

CHUYỆN TRƯỞNG-CHI

*Ngày xưa có anh Trương-Chi,
Người thì thật xấu hát thì thật hay.*

Trương-Chi hát hay lắm. Ngày ngày câu cá trên sông, anh thường cất giọng hát những điệu du-dương trầm-bỗng, dẻo-dắt véo-von, khiến cho cô Mỹ-Nường, con gái quan Thừa-Tướng, cấm-cung trên lầu tây ở bên sông, nghe mà ngây-ngất. Cô tương-tư thành bệnh. Quan Thừa-Tướng cho đòi Trương-Chi tới dinh hát cho Ngài nghe. Động hát vừa cất lên thì bệnh Mỹ-

Nường mười phần khỏi chín. Nhưng thấy mặt chàng, thì nàng không muốn nhìn, khiến Trương-Chi thất vọng đâm đầu xuống sông tự tử.

CHUYỆN VŨ-THỊ

Xưa ở hạt Nam-Xang Hà-Nam có người con trai tên là Trương-Sinh, lấy vợ là Vũ-thị-Thiết. Vợ chồng lấy nhau được non năm trời, thì Trương-Sinh phải đi lính. Vũ-Thị có mang được vài tháng, năm sau sinh đứa con trai đặt tên là Đản. Nàng nuôi mẹ chồng và nuôi con thơ, thật là vất vả. Rồi mẹ chồng mất, nàng lo-liệu ma-chay đủ lẽ. Chồng xa, nhà vắng, cảnh buồn tênh, con lại hay quấy khóc. Nhớ chồng, tối tối thắp đèn lên, nàng thường trở vào bóng mình đó là « cha Đản » để dỗ con. Mấy năm sau, cha thằng Đản đi lính về, Đản không theo, bập-bẹ nói đó không phải là cha Đản. Cha nó là người đêm đêm đến nhà ngồi bên mẹ nó kia ! Vũ Thị bị chồng ngờ là có ngoại-tình, mà không hiểu vì cớ gì, liền đeo mình xuống sông Hoàng-giang để tỏ lòng trinh-bạch.

CHUYỆN TÔ-THỊ

Chồng nàng Tô phải đi thú xứ Lạng. Nàng ở nhà nuôi mẹ chồng và con thơ. Mấy năm sau mẹ chồng chết, nàng lo-liệu việc ma chay rất là chu đáo. Rồi nhớ chồng, nàng bế con lặn-lội thiên sơn vạn thủy, nhất định lên tận Lạng-Sơn tìm. Vì băng đi 5,6 năm trời không được tin-tức. Tới nơi, thì chồng nàng phải sang Tàu.

Thất vọng, nàng ẵm con lên đỉnh núi cao, nhìn sang bên kia ải Nam-Quan, mong ngóng. Một ngày, hai ngày... nàng cứ đứng xững đó trông chồng, không chịu xuống. Có người biết chuyện, động lòng thương, định lên núi khuyên nàng bế con xuống, nhưng lên tới nơi, thì thấy cả hai mẹ con nàng đều đã hóa ra đá từ lâu.

*

Mấy chuyện cổ-tích trên cho ta thấy người đàn-bà Việt Nam, khi làm con gái thì tha-thiết yêu những cái cao-quí, ham nghệ-thuật, sành thẩm-mỹ, như nàng Mỹ-nương :

*Mỹ-nương nghe hát thì thương,
Mà trông thấy mặt anh chàng lại chê.*

Và một khi đã yêu, thì chẳng kể gì giai-cấp, chẳng so gì sang hèn như bà Tiên-Dong đã coi cái « *nón che sương* » quí hơn cả lâu-đài cung-điện. Gặp lúc biến, phải yển bắc nhận nam, thì chàng đi việc vua quan, thiếp ở nhà nuôi mẹ già con mọn, hy-sinh hết thảy để chồng yên tâm xông-pha nơi gió bãi trắng ngàn, lập nên công-danh sự-nghiệp, phò vua giúp nước, dù mai ngày lòng này có hóa đá cũng đành cam. Thật là những trang hiền-phụ ! Rủi gặp bước lâm-nguy, người hiền-phụ ấy sẽ chẳng tiếc gì tính-mạng để bảo toàn danh-dự, giữ tiết cùng chồng, như nàng Vũ-Thị đã mượn nước sông trong để tỏ lòng trong-trắng.

PHỤ-NỮ VIỆT-NAM THEO PHONG-DAO NGẠN-NGŨ

Phong-dao ngạn-ngũ là « một nguồn vô-tận những thường-thức quý-hóa của nhà ngữ-học và phong-thổ-học vì đó là mớ văn-chương phát-lộ tự dân-gian biểu-lộ cú hồn chung của dân-tộc ta ».

Đúng như lời cụ Phạm-Quỳnh, phong-dao ngạn-ngũ nước ta phong phú vô cùng, ý-vị vô cùng. Thật là mớ tài-liệu rất đầy-đủ và xác-đáng để khảo-sát tình-trạng sinh-hoạt của dân-tộc ta.

Vậy chúng ta rất có thể căn-cứ vào nguồn tài-liệu đó để xét riêng về phụ-nữ Việt-Nam từ lúc còn làm người con gái đến lúc làm bà mẹ, từ ngưỡng cửa buồng ra đến ngoài xã-hội.

NGƯỜI CON GÁI

Người con gái Việt-Nam cũng như người con gái ở các nước khác, cũng biết thế nào là tình-tứ, thế nào là yêu đương và có lẽ lại biết một cách triết-lý và thấu-triệt hơn người con gái xứ khác :

*Chén tình là chén say sưa,
Nón tình em đội nắng mưa trên đầu.
Lược tình em chải trên đầu,
Gương tàu soi mặt lầu lầu sáng trong.*

Nàng cũng biết yêu và đau khổ về tình yêu :

*Ngồi buồn nghĩ đến hình dong,
Con dao lá trúc cắt lòng đôi ta.
Duyên đôi ta thề nguyện từ trước,
Biết bao giờ ta được cùng nhau ?
Tương-tư mắc phải mối sầu,
Đây em cũng giữ lấy màu đời anh.*

Người yêu từ-biệt đi nơi khác, nàng cũng biết níu áo dặn theo :

*Chàng về cho chóng mà ra,
Kéo em chờ đợi sương sa lạnh-lùng.*

Và nếu « chàng » đi, đi mãi không về, thì nàng sẽ :

Bâng khuâng như mất lạng vàng trên tay.

rồi lần mò đi tìm, dù xa-xôi như xứ Lạng nàng cũng không quản-ngại. Vẫn chẳng thấy bóng người tình, nàng vào chùa khẩn cầu Phật phù-hộ cho nàng gặp gỡ người xưa :

*Vào chùa thắp một tuần hương,
Miệng khẩn tay vái bốn phương chùa này.
Tôi đi tìm bạn tôi đây...*

Nghĩa là người con gái Việt-Nam không những là người đa-tình, mà còn là người chung-tình, đã :

*Trót yêu nhau thì tam tứ núi cũng trèo,
thất bát sông cũng lội, tam thập lục đèo cũng qua.*

Nhưng thế không phải là cô gái Việt-Nam không biết giữ giá mình đâu ! :

*Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai ?*

Ngày từ khi ấy, cô gái Việt-Nam cũng biết cái giá-trị mình và không phải là không biết tự-hào về tài sắc :

*...Trúc xinh trúc mọc bờ ao,
Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.
Trúc xinh trúc mọc đầu đình,
Em xinh em đứng một mình cũng xinh.*

Nàng biết « Xấu như ma cũng là trà con gái » nên dù đẹp, xấu thế nào, nàng cũng hết sức tự trọng, ngọc lành quyết đợi giá cao. Cô cũng biết rằng :

*Làm hoa cho người ta hái,
Làm gái cho người ta trêu.*

Và : Trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng.

Song cái lễ-giáo, cái gia-thanh, cái danh-dự của ông cha không cho phép cô tự-do trong việc kén chọn một cách dễ-dàng xuống-xã, trên bệc trong dâu :

*Sáng qua tôi đi hái dâu,
Gặp hai anh ấy ngồi câu thạch-bàn.
Hai anh đứng dậy hỏi han,
Hỏi rằng : Cô ấy vội vàng đi đâu ?
Thưa rằng : tôi đi hái dâu,
Hai anh mở túi đưa trầu cho ăn.
Thưa rằng : bác mẹ tôi răn,
Làm thân con gái chớ ăn trầu người.*

Để khỏi nhận trầu của người – tức là tỏ ý bằng lòng với người – cô đã khéo đem lời khuyên-răn của cha mẹ ra đáp lại. Cũng có khi cô lại từ chối khéo rằng cô còn nhỏ tuổi chưa biết việc hoa-nguyệt là gì, và hứa sẽ gọi chị ra, dù cô chẳng có chị bao giờ – để thoát nạn các cậu con trai quá ư suồng-sã :

*Thuyền than lại đậu bến than,
Gặp cô yếm thắm ôm quàng ngang lưng.
Thôi thôi ! Tôi van cậu rằng đừng,
Tôi lạy cậu rằng đừng !
Tuổi tôi còn bé chưa từng nguyệt hoa.
Tôi về gọi chị tôi ra,
Chị tôi đã lớn nguyệt-hoa đã từng.*

Coi vậy người con gái Việt-Nam tuy vẫn là giống đa-tình song vẫn tỏ ra khôn ngoan dí-dỏm biết lựa lời nói để giữ trinh-tiết chờ ngày lấy chồng.

NGƯỜI VỢ

Vì lấy chồng, mới là mục-đích và lý-tưởng của người con gái :

*Thuyền mạnh về lái,
Gái mạnh về chồng...
Gái có chồng như rồng có vây...
Ngồi trong cửa sổ chạm rồng,
Chăn loan gối phượng không chồng cũng hư...*

Tất cả ý-nghĩa cuộc sống của người đàn-bà là ở sự lấy chồng. Nên trước khi làm cô gái Việt-Nam cũng kén chọn kỹ-càng lắm. Vì biết rằng :

Gái chính-chuyên chỉ lấy một chồng.

Nếu lỡ một lần hai, còn :

Biết rằng đổi chác cố cầm cho ai ?

Kén người thế nào ? Nhất sĩ, nhì nông, cố-nhiên là cô kén người học-trò văn hay chữ tốt, tức là người có hy-vọng làm quan sang sau này. Có người điều học-trò và can cô :

*Muôn nghìn chớ lấy học-trò,
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.*

Nhưng cô cãi lại :

*Dài lưng đã có vông đào,
Tốn vải đã có áo bào vua ban.*

Vì cô đã yên trí rằng :

*Một đêm quân-tử năm kê,
Còn hơn thẳng góc võ-về quanh năm.*

Và : *Một mảnh chồng quan hơn một đàn chồng dân.*

Vậy thì cô lấy chồng. Lấy chồng tức là ra làm việc đời, dù là cuộc đời thu gọn trong buồng khe bếp núc :

Lấy chồng gánh vác giang-san nhà chồng.

Gánh giang-san nhà chồng tức là trên thờ tổ-tiên cha mẹ, dưới nuôi chồng, đóng sưu nộp thuế cho chồng, giúp đỡ chồng trong mọi công việc bên trong : nhiệm-vụ vất-vả nặng-nề thay ! Song nàng vẫn thắt lưng buộc bụng, tảo-tần thu vén cho mọi việc được xong xuôi :

*Em thời canh củi trong nhà,
Nuôi anh đi học đăng khoa bảng vàng.
Trước là vinh-hiến tổ-đường,
Bổ công đèn sách lưu phương đời đời.*

Nếu chẳng kén được người chồng hay chữ thì nàng cũng chẳng lấy thế làm ngã lòng, trái lại vẫn nhẫn-nhục, làm ăn cố gắng để gánh vác lấy giang-sơn nhà chồng như thường. Có khi anh chồng quá âu-yếm vợ, thì nàng lấy lời phải trái mà nhắc chồng nhớ đến phận-sự, đến giang-sơn :

*Anh về hái đậu trồng cà.
Để em đi chợ kéo mà nhờ phiên.
Chợ nhờ phiên tốn công thiệt của,
Miệng tiếng người, cười rõ sao nên ?
Lấy chồng gánh vác giang sơn,
Chợ phiên còn nhờ, giang sơn còn gì !*

Đó là trong cảnh thường. Gặp cảnh biến người vợ Việt-Nam vẫn thương yêu chồng xưa nay :

Thương ai cho bằng thương chồng.

luôn luôn sẵn-sàng hy-sinh hạnh-phúc lạc-thú, tinh-thần, sức-lực để cho chồng được sung-sướng, yên-vui. Có khi nàng chịu tap-dịch thay chồng như đắp đê hay chuyển-vận :

*Thương chồng nên phải lằm than,
Xưa nay ai bắt việc quan đàn-bà.*

Nàng chịu vất-vả lằm than chỉ là để cho chồng sung-sướng nhàn-rỗi :

*Thương chồng nên phải gắng công,
Nào ai xương sắt da đồng chi đây.*

*Vì chàng thiếp phải bắt cua,
Như như thân thiếp thiếp mua ba đồng.
Vì chàng thiếp phải long đong,
Như như thân thiếp cũng xong một bề.*

Vì chồng hết ! Cả đến việc binh-dịch, người vợ Việt-Nam nếu được phép, cũng không quản-ngại gì mà đi thay chồng :

*Lính vua, lính chúa, lính làng,
Nhà vua bắt lính cho chàng phải ra.
Giá vua bắt lính đàn-bà,
Để em đi đỡ anh và bốn năm.
Bởi vua bắt lính đàn ông.
Tiền lương gạo bị sấm trong nhà này.*

Tóm lại, người đàn-bà Việt-Nam là một người vợ hiền hiếu cái đại-nghĩa của người đàn-ông và sẵn lòng hy-sinh để chồng làm theo đại-nghĩa đó.

Thi hào Vương-Duy đời Đường có bài thơ đại khái như thế này :

*Chàng như mây mùa thu,
Thiếp như khói trong lò,
Cao thấp lẽ có khác.
Một thả cùng tuyệt-mù.*

Bài thơ ấy ấy có thể tặng người đàn-bà Việt-Nam. Vì người ta có cái cảm-tưởng rằng bị lẽ-giáo bó-buộc trong buồng khe, người đàn bà Việt-Nam nếu thả ra ngoài xã-hội chắc cũng chẳng kém gì người đàn ông. Sẵn đức nhẫn-nại, lòng hy-sinh người đàn bà Việt-Nam há chỉ làm được người vợ hiền mà thôi ư ?

NGƯỜI MẸ

Người đàn-bà Việt-Nam hiểu rằng mình có phận-sự thờ chồng và nuôi con. Nuôi con nghĩa là nuôi-nấng dạy dỗ chúng. Biết rằng :

Con hư tại mẹ, Cháu hư tại bà.

Người mẹ tuy thương yêu con nhưng không nuông chiều nó quá. *Con dại Cái mang*, người mẹ tự nhận lấy cái trách-nhiệm *dạy con từ thuở còn thơ*. Bà thường phải vất-vả khó-nhọc về con nhưng bà sẵn lòng hy-sinh cho hạnh-phúc con cái, có khi hơn cả đối với người chồng, lúc bà còn son. Bà chẳng phàn-nàn gì hết. *Có con phải khó vì con*. Bà chẳng bao giờ dám có mấy may cái ý nghĩ chán ghét con-cái, dù có người đã than-phiền cho bọn con nhà mất dạy :

*Có con tội sống,
Không con tội chết.*

Trái lại, bao giờ bà cũng mong có con :

Ở đời một của một con ai từ ?

Vì bà cho rằng cái hạnh-phúc sau cùng của người đàn-bà là ở sự có con. Và :

*Gái có con như bồ hòn có rễ.
Gái không con như bè nghề trôi sông.*

Mong có con, cho có con là một cái phúc lớn, và lại hiểu rằng con hư hay ngoan là tại mình, người đàn bà Việt-Nam quả là người mẹ hiền.

Và chẳng đã là gái ngoan thì tất sẽ là vợ tốt ; và đã là người vợ tốt, thì sau sẽ là người mẹ hiền. Con đường lý-luận nó đi như vậy, không ai chối được !

PHỤ NỮ VIỆT-NAM THEO VĂN-CHƯƠNG CŨ

Văn-chương cũ đây là trổ gồm những sách chuyện nôm bằng văn-vần thời trước, những sách chuyện mà nhiều ông già bà cả nước ta thường nhớ thuộc lòng hay dậy truyền-khẩu cho con cháu trong nhà, hoặc kể lại những khi nằm võng ru cháu.

Những sách chuyện văn-vần cổ đó có khi là chuyện có thật một phần rồi thêm vào bớt ra chút ít, có khi là những chuyện bịa-đặt 100 phần 100 như tiểu thuyết ngày nay, lại có khi lấy một chuyện sẵn của nước ngoài đem thuật lại bằng văn lục-bát, ngày nay phần nhiều không biết tác-giả là ai, và hầu hết đều viết bằng lối văn bình-dân. Chúng ta có thể đoán rằng tác-giả là những nhà nho áo vải sống chung-đụng lẫn lộn với đám đông và hiểu biết tâm-lý đám đông một cách thấu-triệt. Vậy thì tâm-trạng những vai chủ-động tả trong chuyện chúng ta có thể tin rằng đúng với tâm-trạng người dân nước ta thời bấy giờ.

Vả văn-chương là phản-ảnh của xã-hội. Xã-hội thế nào thì văn-chương tất phải như thế. Nghĩ thế, chúng tôi định nhìn qua mớ văn-chương cổ để xét phụ-nữ Việt-nam thời xưa.

Trước khi rở chồng chuyện cũ – mà ngày nay chỉ còn được đọc ở thôn-quê – chúng tôi xin nói trước rằng những chuyện như chuyện Kiều, Nhị-độ-mai, Lục-vân-Tiên, Phan-Trần... chúng tôi gác ra một bên, vì ở đây, chúng tôi không chú-trọng vào văn-chương mà chú trọng vào nhân-vật. Mà nhân vật tả trong mấy bộ chuyện trên, dù hay hay dở cũng chỉ là nhân-vật ngoại-quốc, nhân-vật Tàu, vì mấy cuốn nói trên đều thoát-thai từ chuyện Tàu cả.

Chúng tôi chỉ kiểm-điểm nhân-vật mấy bộ chuyện chép người và việc nước ta, vì lẽ gì chẳng nói, bạn đọc cũng dư hiểu. Dụng-ý của chúng tôi là nói về phụ-nữ, vậy cố nhiên là những chuyện mà các vai chủ-động là đàn ông, như chuyện Thạch Sanh chẳng hạn, chúng tôi cũng không nói tới.

BÍCH CẦU KỲ NGỘ ¹

Triều Lê, có Trần-tú-Uyên lên kinh-đô Thăng-Long (Hanoi) theo học. Chàng đẹp trai chưa vợ, một hôm thấy trong đám người đi xem làm chay có một nàng xinh đẹp lộng-lẫy, rồi sinh ra mơ-màng say-sưa, ngày ngày tới chỗ cũ mong được gặp mặt.

Ròng-rã mấy ngày không thấy bóng hồng vào ra, đang lúc thất-vọng thì gặp người mang một bức tranh tố-nữ vẽ rất đẹp, đầy sinh khí, đem bán dong. Tú-Uyên mua về treo trong phòng, bữa nào cũng sai dọn cơm hai người ăn, tuy chỉ có một mình, có ý coi người trong tranh như là người thật, mời-mọc, thân-mật như người bạn vàng. Thế rồi sau đó ít lâu, một ngày kia, người đẹp trong tranh cứ những lúc Tú-Uyên đi học vắng là hiện ra người thật làm cơm nước sẵn-sàng. Tú-Uyên về lấy làm ngạc-nhiên bèn rình coi thấy người đẹp tự trong tranh vẽ đi ra, liền lên vào xé tranh đi để nàng khỏi biến mất. Nàng bèn hóa ra người và ăn ở với Tú-Uyên, thuận-hòa và phục-tùng như một người vợ hiền nhất thiên-hạ.

Đó, đàn-bà Việt-nam, dù có là tiên chẳng nữa, bao giờ cũng là một người biết theo phận-sự làm vợ, hết đạo thờ chồng.

LƯU BÌNH – DƯƠNG LỄ

Lưu-Bình và Dương-Lễ là đôi bạn chí thân, ở miền Sơn-tây ngày xưa. Dương-Lễ và Lưu-Bình cùng đi thi một khóa. Dương đỗ được bổ làm quan, Lưu hỏng về nhà ; nhà cháy, sa-sút phải đi xin ăn từng bữa. Tìm đến chỗ Dương-Lễ làm quan, ý định nhờ vả. Dương làm mặt giận sai dọn lưng cơm với một quả cà, đãi Lưu như một kẻ ăn mày, cố ý làm cho bạn phẫn-chí mà gắng học. Lưu giận lắm bỏ đi. Dương sai vợ thứ ba là nàng Châu-Long tìm cách gặp-gỡ Lưu-Bình, giả lấy Lưu để nuôi Lưu ăn học cho thành danh-phận. Châu-Long bắt-buộc phải vâng lời, đem tiền bạc đi nuôi bạn thay chồng. Ba năm trời đóng vai vợ Lưu-Bình, Châu-Long vẫn giữ được tiết sạch giá trong, mỗi lần Lưu nài ép, thì lại khuyên nhủ lấy học-hành khoa-

danh làm trọng mà từ chối, hẹn ngày nào bằng vàng mũ bạc trở về, ngày ấy sẽ vầy duyên cá nước.

Ba năm trời cố-gắng, học-hành, quả nhiên khoa sau Lưu-Bình chiếm bằng khôi-nguyên. Được tin Lưu đỗ, Châu-Long liền lẳng-lặng trở về với chồng. Lưu-bình về thấy người đẹp đi mất, cho là mình đã được thiên-tiên xuống giúp. Mỗi khi sang thăm Dương-Lễ, Lưu nói đến chuyện tiền giúp ăn học ba năm, hẹn khi thi đỗ thì vầy duyên cầm sắt, và than phiền rằng khi làm nên danh-phận thì nàng tiên phút lại bỏ đi, Dương bèn cho vợ thứ ba ra chào, bấy giờ Lưu mới biết là bạn đã cho vợ sang nuôi mình.

NGỌC HOA – PHẠM TÀI

Trần-ngọc-Hoa, con gái một phú-ông ở miền Thanh-hà Hải-dương là một trang tuyệt-sắc, mới mười ba tuổi đầu. Trong làng nhiều người dạm hỏi, nhưng phượng-hoàng quyết chẳng đứng chung với đàn gà. Sau thấy một hàn-sĩ đến xin ăn là Phạm-Tải ở miền Sơn-tây, nàng bỗng động lòng trắc-ấn mở cửa ra cho, rồi thấy chàng phong-tư tài-mạo khác với tuy ăn bận rách rưới, nàng bèn đem bụng yêu đương và tương-tư thành bệnh. Cha mẹ chiều con, sai người gọi cho được Phạm-Tải về và làm lễ hợp-hôn cho con gái ; Sau đó ít lâu, trong làng có kẻ thù hằn, tạc tượng nàng dâng lên nhà Chúa. Chúa sai quan đi đón Ngọc-Hoa tiến cung. Ngọc-Hoa liền cắt tóc ; cào sát mặt mũi, xé rách quần áo vào chầu Chúa. Chúa vẫn thấy nàng xinh đẹp hơn bức tượng nhiều, nhưng nàng nhất định không bằng lòng vì nàng đã có chồng. Phạm-Tải bị đổ-dành làm sao cũng không chịu nhường vợ, sau bị Chúa sai đầu-độc hại ngầm, lập mưu để Ngọc Hoa không còn cơ gì từ chối. Ngọc-Hoa khóc-lóc xin Chúa cho về chịu tang chồng ba năm, rồi sẽ xin tiến cung hầu khấn gối nhà Chúa cũng vừa, vì bấy giờ nàng mới mười ba tuổi.

Chúa ưng. Ba năm sau, Chúa sai sứ-giả về Thanh-hà rước Ngọc-Hoa lai kinh, nhưng tới nơi thì sứ-giả được tin nàng đã tuần tiết theo chồng. Hiện nay ở miền Thanh-hà vẫn còn đền thờ Ngọc-Hoa.

PHƯƠNG HOA

Chuyện này xảy ra ở miền Thanh-hóa. Hai ông bạn đồng-khoa, đồng-triều, họ Trương và họ Trần bấy giờ tuổi già đã về chí-sĩ. Họ Trương có hai con trai là Cảnh-Tĩnh, Cảnh-Yên. Họ Trần có một gái tên là Phương-Hoa, vừa có văn-tài, vừa có tư-sắc. Cảnh-Tĩnh đã có vợ. Họ Trần hứa gả Phương-Hoa cho Cảnh-Yên. Sau có Tào-trưởng-Úy tuổi trẻ làm quan tại Triều đến hỏi Phương-Hoa làm vợ không được, liền lập kế vu hãm Trương-công. Cảnh-Tĩnh và Cảnh-Yên trốn thoát. Sau Cảnh-Yên bị Tào lập kế vu oan phải hạ ngục. Năm ấy nhà vua mở khoa thi. Phương-Hoa xin phép mẹ lai kinh, nói dối là để bán hàng kén chồng. Thực ra là nàng vô kinh đội tên chồng là Trương-cảnh-Yên vào dự thí. Ngày xướng danh thì Cảnh-Yên đỗ Thám-hoa.

Khi nhà vua ban yến cho các quan tân-khoa thấy Thám-hoa nho-nhã có vẻ đàn bà liền phán hỏi. Phương-Hoa quì tâu tình thực ra. Thế là phá được cái oan-án cho cha chồng và chồng. Cảnh-Yên được phép ra thi, nhà vua xét tài thấy đáng đỗ Thám-Hoa so với Phương-Hoa thì văn-tài xấp xỉ ngang nhau.

TỔNG TRÂN – CÚC HOA

Cúc Hoa con gái nhà giàu ở huyện Phù-hoa người đẹp và có nết, ai hỏi cũng chẳng lấy. Sau thấy một gã ăn xin là Tổng-Trân thì lại bằng lòng và trái ý cha mẹ, nhất định kết duyên cùng gã ấy. Bị cha hắt-hủi, nàng khuyên chồng cố học-hành, vợ chồng chẳng quản gì khổ-cực. Sau quả Tổng-Trân thi đỗ Trạng-nguyên.

Hiển-vinh chẳng được bao lâu, Tổng-Trân phải đi sứ Tàu, mười phần không chắc một phần về.

Thấy con rể đi vắng lâu, ở nhà ông bố vợ tức là cha đẻ ra Cúc-Hoa liền đem gả chồng lần nữa cho người đình-trưởng, Cúc-Hoa nhất định không nghe, dù bị cả nhà cả họ bức-bách ; nàng khăng-khăng thủ tiết đợi

chồng. Giữa lúc ấy thì Tống-Trân đi sứ về, danh-vị hiển-hách trong triều ngoài quận.

Xem qua nhân-vật trong mấy áng văn-chương cổ, người khó tính đến đâu, cũng phải nhận rằng phụ-nữ Việt-nam rất đáng ca-tụng về đức-tính và tài-năng, ở vào hoàn-cảnh, địa-vị nào cũng giữ-gìn được toàn danh-tiết, cũng biết vượt mình lên khỏi chỗ tầm-thường, coi tình-nghĩa là nặng, giàu sang phú quý như đám phù-vân. Và chẳng bao giờ quên bốn-phận cốt-yếu của mình là bốn-phận làm vợ.

PHỤ-NỮ VIỆT-NAM THEO LỊCH-SỬ

Hơn cả phong-dao ngạn-ngữ và những chuyện cổ, lịch sử cho ta thấy phụ-nữ nước nhà một cách rõ-rệt, đầy-đủ, và xác-thực hơn nhiều. Lịch-sử cho ta thấy chị em son phấn nước nhà trong tất cả sự khởi-phát của đức-tính họ, trong tất cả sự biểu-lộ của tâm hồn họ, trong tất cả sự biểu-thị của năng-lực tiềm-tàng phong-phú của một giống nòi ; tóm lại, lịch-sử cho ta thấy rõ các bộ-mặt, các thái-độ, các bản-năng của người đàn-bà Việt Nam. Người đàn bà Việt-Nam trong lịch sử không phải chỉ là người gái ngoan, người vợ đảm hay người mẹ hiền mà thôi. Người đàn-bà Việt-Nam trong lịch-sử là người, không chỉ thu hẹp hành-động lại trong xó buồng xó bếp, mà còn biết hoạt-động trong cả bốn phương trời, trong cả giang-san đất nước.

Muốn hạ một lời phê-bình tổng-quát về phụ-nữ Việt-Nam, mà không căn-cứ vào lịch-sử Việt-Nam, thì quyết là lời phê-bình không thể nào đúng xác vô-tư được.

Vậy chúng ta hãy mở lịch-sử ra, gọi hồn người thiên-cổ để giới thiệu cùng người nước ngoài và đồng-bào trong nước hiện thời, về mỗi ngành hoạt-động xã-hội, một đôi người, khá dĩ tiêu-biểu cho phụ-nữ Việt-Nam, tưởng cũng là một việc rất hợp thời. Muốn cho dễ nhận, chúng tôi tưởng cần phải phân phụ-nữ Việt-Nam ra làm mấy hạng, hạng nào liệt riêng vào hạng ấy, tùy theo năng-lực hành động và sức phát-biểu của mỗi người. Trước kia người ta thường chia ra nữ-lưu hào-kiệt, nữ-lưu tiết-liệt, nữ-lưu hiền-triết hoặc tương tự như thế. Chúng tôi không đồng-ý về lối phân-loại đó, vì những chữ hào-kiệt, tiết-liệt, hiền-triết... chỉ chú trọng vào đức-tính, hành-vi của riêng từng cá-nhân, không hàm ý tổng-quan, không chú-trọng vào một đoàn-thể nào cả. Phân loại như thế chỉ ngụ ý ca-tụng tư-đức của từng người mà thôi. Chúng tôi muốn tỏ ra rằng phụ-nữ Việt-Nam chẳng những có tư-đức mà thôi, lại rất giàu công-đức nữa. Nên không phân loại

theo lối các cụ xưa, mà phân-loại theo một quan-niệm khác hẳn, như dưới đây.

NGƯỜI CỦA QUỐC-GIA XÃ-HỘI

Trưng-Vương. – Tên là Trưng-Trắc, con gái một vị Lạc Tướng ở đất Mê-linh, năm 39-sau kỷ-nguyên, cùng em là Trưng-Nhị dấy quân lên đánh đuổi quân Tàu, để trả thù cho chồng và cướp lại quyền tự-chủ cho đất nước. Hai chị em bà Trưng có tài dùng binh, hạ 65 thành-trì dễ như trở bàn tay, rồi lên ngôi Vua đóng đô ở quê nhà (Mê-linh) hiệu là Trưng-Vương. Ba năm sau mới bị Phục-Ba Tướng-quân Mã-Viện là một danh-tướng nhà Hán đánh thua.

Man Hoàng-Hậu. – Là mẹ đẻ ra hai bà Trưng. Khi nghe tin Trưng-Vương thua, Bà hăm-hở lên ngựa thu-thập tàn-binh định đánh giải vây cho Vua Trưng. Quả bất địch chúng, bị thua, bà ngẩng lên trời than : « Cơ đồ nhà trưng nay thành giấc mộng, ôi ! Cái tình mẹ con nay biết nói sao ! » Rồi nhảy xuống sông tự tận.

Đông-Cung tướng-quân. – Thị nội tướng-quân. – Hai bà đều là danh-tướng của vua Trưng. Đông-Cung tướng quân tên là Hoàng-thiếu-hoa người huyện Gia-hưng Thanh-hóa, vốn có oai đức, mộ tiếng vua Trưng, tuyển quân ra giúp, được phong làm Đông-Cung tướng-quân. Vua Trưng lên ngôi báu, ban thưởng tướng sĩ. Duy Tướng quân từ chối tâu rằng : « Tôi là một người con gái cô đơn cầu chức tước mà làm gì ! ».

Thị-nội tướng quân là bà Phùng-thị-Chính vợ ông Đinh Lượng người trang Phú-nghĩa Sơn-tây. Bà là người túc trí đa mưu được vua Trưng hết sức tín dụng. Khi Mã-Viện đem binh sang, với chức tướng-quân, bà đương có thai cũng ra trận rồi sinh con trai ngay ở mặt trận. Bà bọc con bên mình cẩn-thận, rồi múa hai thanh gươm giết chết vài mươi tỳ-tướng Tàu, phá vòng vây chạy ra thoát. Sau trong lúc lánh nạn, được tin vua Trưng tự sát, bà cũng tự sát.

Lê-Hải Bà-Vương. – Em gái ông Triệu quốc-Đạt, tên là Triệu-Ấu (?) người quận Cửu-chân, có sức khỏe, chí lớn. Năm Mậu thìn (248) bà 20 tuổi mộ quân khởi nghĩa đánh lại quan đô-hộ nhà Ngô. Anh can, bà nói : « *Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp làn sóng dữ, chém cá tròng-kình ở bể đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đăm đuối chứ không thềm bắt chước người đời cúi đầu khom lưng làm tì-thiếp người ta.* »

Bà mặc áo vàng cưỡi voi ra trận, oai-phong lẫm-liệt can-đảm khác người, tự xưng là Nhụy-Kiều tướng-quân. Người bấy giờ tôn xưng là Lê-Hải Bà-Vương. Cầm-cự được với quân Ngô năm, sáu tháng, sau bị quân giặc lập mưu đánh thua phải tự-sát ; năm ấy bà 28 tuổi.

Văn-giai Hoàng-đế. – Húy là Trần-thạc-Trình người đất Lục-châu quận Nhật-nam năm 653 khởi binh đánh quân nhà Đường khôi-phục Lục-châu, lên ngôi vua, hiệu là Văn-giai Hoàng-đế. Sau đó ít lâu bị quân Đường đánh thua bị hại.

Trần-Ngũ-Nương. – Vợ lẽ ông Trần-quốc-Chẩn đời Trần, dũng cảm và đa mưu. Theo chồng ra cự địch quân Chiêm-thành. Một hôm bà lên ngựa cầm gươm chỉ huy sĩ-tốt thay chồng ra trận đánh nhau với quân giặc dòng dã nửa ngày trời rất là dữ-dội, giết được mấy trăm quân Chiêm, giặc bèn thua chạy.

Nữ-tổng-binh. – Không rõ tên thật là gì, tục truyền là Đoàn-Trang Công-chúa, con gái Hiền Quận-công Nguyễn-Nghi đời Lê. Công-chúa là một trang võ-dũng, lại có tài thao-lược, được tiếng khen là Nữ-Khổng Minh. Bà theo cha ra trận được nhà vua phong chức Nữ-tổng-binh. Sau lập được nhiều công lao hãn mã, bà được gia-phong Đoàn-trang Công-chúa.

Vũ-thái-phi. – Người làng Mỹ-Thự huyện Đường-An, là chính-phi chúa Trịnh-Cương thân mẫu chúa Trịnh-Giang. Năm 1740 Trịnh-Giang xuất đại-quân vào đánh Quảng-Nam, thành Thăng-Long vô bị, có tướng giặc tên là Nguyễn-Truyền thừa cơ kéo quân đến bến sông Bồ-Đề, định chiếm-đoạt kinh-thành. Nhân dân được tin thấy đều lo-sợ nôn-nao. Thái-phi thân ra điều binh khiển tướng, sai quân đóng giữ các cửa thành và sai

đem quân đóng tại bờ sông để dương thanh thế. Giặc thấy vậy kinh sợ tháo lui, kinh thành được vô sự.

Chu-muội-nương. – Người thôn Vân-Hòa huyện Đồng-Xuân, tỉnh Phú-Yên, em gái tướng quân Chu-văn-Tiếp và là vợ quận-công Lê-văn-Quân, người huyện Kiến-Hưng tỉnh Định-Tường, là công-thần của vua Gia Long. Muội-nương cùng chồng truy tùy đức Gia-Long sang Vọng các (Xiêm) hai lần đánh được quân nước Diên Điện và Đồ-Bà, người Xiêm đều lấy làm thán-phục tài dụng binh của bà.

Trà quận phu nhân. – Người họ Trần, ở làng Diêm-Trường huyện Phú-Vang, vợ Trà-quận-công là Trương-Trà, người làng Hoành-Vân, huyện Tống-Sơn Thanh-Hóa. Năm 1771, chồng bà đem quân dẹp giặc Nghĩa-Sơn là tô-tớ chúa Trịnh ở đất Phúc-Thị, bị giặc bắn tên ngầm giết chết. Nghe tin, bà căm-tức vô cùng liền thay mặc quần áo đàn ông, bận chiến-bào cưỡi voi đốc-xuất quân sĩ xông vào trận giặc, quyết trả thù cho chồng, khí thế rất là mãnh-liệt, giặc sợ hãi không đánh mà tan. Sau chúa Gia-Dụ phong bà làm Quận-phu nhân.

Bùi-thị-Xuân. – Con gái ông Bùi-đắc Tuyên và là vợ tướng Trần-quang Diệu triều Tây-sơn. Bà thường chia quân với chồng đi đánh dẹp các nơi. Lâm trận xung đột rất mãnh-liệt, nổi tiếng là một trang nữ-kiệt thời bấy giờ.

Vợ ba Cai-vàng. – Tuổi ngoài 20, người rất kiệt hiệt, thường cùng chồng đem quân chống cự quân Triều, đến đâu cũng thắng thường làm mối lo cho các quan Triều thời bấy giờ.

NGƯỜI CỦA DANH-GIÁO

Phù-Ứng tiết-phụ. – Tiết-phụ tên là Phạm thị-Viên người huyện Đường-An, châu Thượng-Hồng (nay là Bắc-giang) người có nhan sắc, lấy chồng họ Lê là người làng Phù Ứng, sinh được trai gái bốn người con, thì chồng mất. Bấy giờ thế nước đương loạn, mà bà giữ được tiết thờ chồng nuôi con.

*Gặp cơn gió táp mưa sa,
Má hồng cũng nhỏ, da ngà cũng hoen.
Thế mà nàng khéo chu tuyền,
Tấm lòng bất nhị vững bền khôn dong.*

Phan thị-Viên. – Người huyện Hưng-Nguyên xứ Nghệ-An, có nhan sắc, sành âm luật, tài văn-chương, lấy ông hoàng-giáp Đinh nho-Hoàn triều Lê, được hai năm chưa con cái gì thì ông Hoàn phụng mệnh sang sứ Tàu. Ông Hoàn dọc đường bị bệnh mất, bà thương tiếc vô cùng. Khi đem thi-thể chồng về nước, bà chôn cất xong, rồi lấy áo cũ của chồng để lại, thắt cổ chết ngay bên mộ.

Nguyễn-thị-Niên. – Vợ Mỹ-quận-công Bùi-văn-Khuê triều Mạc. Khuê và Phan-Ngạn cùng khởi binh giúp họ Mạc. Sau Ngạn ngờ Khuê có dị mưu, liền sai người giết Khuê và tự xưng là Đinh-quận-Công. Ngạn thấy bà là trang tuyệt-thế-giai-nhân, ý muốn cướp lấy làm vợ. Bà giả ưng thuận hẹn Phan-Ngạn xuống thuyền uống rượu tự-tình. Ngạn say, bà liền lấy dao trong tay áo ra cắt đầu tể chồng xong rồi đâm đầu xuống sông chết.

Phan-thị-Thuấn. – Hiệu là Băng-Nữ người làng Đan-Nha huyện Thạch-Hà, vợ lẽ ông Ngô-cảnh-Hoàn người làng Trảo-Nha. Ngô-cảnh-Hoàn làm quan đô-thống triều Lê cự địch với quân Tây-Sơn ở sông Thúy Ái. Lâm nguy, cả ba cha con ông cùng nhảy xuống sông mà chết. Được tin bà vẫn thản nhiên như không, rồi bận quần áo đẹp ra giữa sông nhảy xuống chết theo chồng.

Nguyễn-thị-Kim. – Người làng Tì-Bà huyện Lương-Tài xứ Kinh-Bắc làm cung-phi vua Lê-Chiêu-Thống. Gặp cơn quốc biến, vua Chiêu-Thống chạy sang Tàu. Bà không theo kịp phải lánh nạn ở đất Thái-Nguyên cắt tóc làm sư ni ở chùa Đường-Nham. Năm 1792, Triều Thanh cho đưa ngọc-cốt cổ-quân về nước, bà được tin tới Nam-quan rước linh-thần. Năm 1804, làm lễ thay áo quan cho vua Lê xong, bà uống thuốc độc chết.

Cô Mười-Hai ở Đông-Ngạc. – Không biết tên thật là gì, chỉ quen gọi là cô Mười Hai, người làng Đông-Ngạc cùng chồng chở thuyền buôn bán

ngược xuôi. Có giặc Cờ-Vàng xuống thuyền cướp phá và toan bắt cóc cô đi. Cô đưa con cho chồng rồi ra oai mắng nhiếc chửi rửa quân giặc thậm-tệ, đoạn nhảy xuống sông tự-tử để khỏi bị quân giặc làm ô-danh má đào.

Bà huyện Thủy-Đường. – Vợ ông Nguyễn-Hanh người làng Cách-Bi tỉnh Bắc-Ninh ; ông Hanh đỗ cử nhân làm quan tri-huyện huyện Thủy-Đường. Sinh được một trai là Nguyễn-Cao mới bảy tháng thì bà góa chồng. Bà có nhan sắc, tuổi còn trẻ, bị tên lý-trưởng người làng, là tay hào-phú, lập mưu quyến-dũ định lấy. Có hôm bà đi chợ, bị nó nấp đón đường thành-linh nhảy ra, ý muốn lăng-bức, phạm vào vú bà, bà hết sức mới chạy thoát. Sáng hôm sau, bà làm lễ cúng chồng mời họ hàng ăn uống xong, gửi hết cả sản-nghiệp rồi ẵm con đến chùa Kim-Giang đi tu. Khi con lên 7 tuổi, bà đem con về làng. Tên lý-trưởng lại đến xin lấy bà. Bà hẹn ngày mời nó đến chơi. Đúng hôm ấy, bà sai giết trâu mời cả họ đến đông đủ. Tên lý-trưởng cũng đến dự tiệc. Rượu uống nửa chừng, bà cởi tay áo ra, tay cầm dao, chỉ mặt tên lý-trưởng mà nói : « Bữa nọ ở chỗ đường kia, mày phạm đến vú ta, làm mất trinh-tiết của ta, ta có thể chết ngay lúc ấy được, chỉ vì con ta còn thơ dại không biết nương nhờ vào đâu, cho nên ta phải nhẫn-nhục nương thân cửa Phật ; nay con ta đã lớn, xin mượn lưỡi dao này để tạ cùng tôn-tộc ». Nói rồi bà cầm dao cắt phăng cái vú bị tên lý-trưởng phạm đến trước kia. Cắt xong thì chết. Tên lý-trưởng bị điệu lên quan kết-án tử-hình. Bà huyện Thủy-Đường được nhà vua ban lời tinh-biểu.

Trần-thị-Tuần. – Người huyện An-Lạc tỉnh Sơn-Tây, lúc mới 11 tuổi gả cho ông Trần-hữu-Lệ. Ông Lệ mất sớm. Bà chưa con cái gì, tuổi trẻ, người tuyệt đẹp. Nhiều người muốn hỏi. Cha mẹ bà cũng thường khuyên bà nên bước đi bước nữa. Bà không nghe, đáp : « Cái nghĩa của người đàn-bà chỉ lấy một chồng mà thôi ! » Bà cứ ở nhà cha mẹ chồng quyết chí ở vậy thờ chồng. Mẹ đẻ thường sang đón về, bà nhất định không về. Một hôm, bà thắp hương, đứng trước bàn thờ chồng lạy khóc, tay cầm chén khấn rằng : « Tôi nguyện chết cùng theo nhau, cho trọn đạo làm vợ ». Đương khấn thì bà mẹ chồng ở ngoài đi vào trông thấy, liền giật lấy chén xem thì là chén thuốc độc. Mẹ chồng kinh-hãi tìm lời khuyên-giải bà. Mẹ đẻ cũng không dám nói

đến việc cưới gả nữa, bà ở góa giữ toàn được tiết trinh cùng chồng. Năm 1827, được vua Minh-Mạng hạ lời ban khen.

NGƯỜI CỦA VĂN-HỌC

Triều Lê cô Nguyễn-thị-Điểm² lưu lại bản dịch sách Chinh-Phụ-Ngâm của Đặng-trần-Côn, một áng văn kiệt-tác, ngày nay được đặt ngang hàng với truyện Kiều và khúc Cung-Oán. Triều Lê-mạt có nữ sĩ Hồ-xuân-Hương³ chuyên dùng tiếng nôm để làm thơ, rất tài tình, làm vẻ vang cho tiếng nói của nước nhà bằng một cuộc cách-mệnh trong thi-ca vậy.

Triều Mạc có bà Nguyễn-thị-Du⁴ đỗ Trạng-nguyên văn tài đã áp-đảo cả thầy học.

Triều Nguyễn có bà huyện Thanh-Quan⁵, để lại những bài thơ du-dương như những khúc nhạc. Chỉ mấy nhà văn-học đó cũng đủ tiêu-biểu cho làng nữ-lưu văn-học nước nhà, mỗi nhà về một phương-diện.

*

Trở lên, chúng tôi chỉ giới-thiệu một số ít phụ-nữ Việt-Nam ghi trong lịch-sử, khả-dĩ tiêu-biểu không những cho phụ-nữ mà cả cho tinh-thần dân-tộc Việt-Nam. Cái tinh-thần ấy nó phức-tạp thiên hình vạn trạng cao-siêu có, quật-cường có, mà ủy-mị, nhu-nhược cũng có, như ta thấy qua các phụ-nữ kể trên.

Nhưng ở đâu cũng đáng khen, xử vào hoàn-cảnh nào cũng đáng trọng, vì cái tinh-thần phức-tạp, bất nhất đó được phát xiển ra trùng tiết trùng mùa, chỗ nào nên quật-cường, lúc nào nên nhu-nhược, đâu vào đó cả.

Và đến đây, nếu ai tưởng rằng người đàn-bà Việt-Nam không thể đương nổi việc lớn, không thể làm được những việc ngoài xã-hội, hoặc tưởng rằng đàn-bà Việt-Nam cổ lai chỉ là đàn bà của gia-đình, hay nghĩ rằng đàn-bà Việt-Nam không bao giờ là những phụ-nữ xã hội, thì người ấy tưởng lầm.

« *Làn khói trong lò* » kia nếu được ngọn gió tốt thổi vù lên, sẽ bay bổng tuyệt-vời, chẳng kém gì « *mây mùa thu* » ở lưng chừng trời vậy.

LÊ-VĂN-HÒE

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

ĐƯƠNG SOẠN

- *Nguyễn-xuân-Nghị* : Việt Hán, Hán-Việt phổ thông tự-điển
- *Nguyễn khắc Kham, Lê văn Hòe* : Lược khảo về Văn-Học-sử Trung Quốc
- *Lê-văn-Hòe* :

Trung Hoa Địa-Danh âm-thích

Luận-Ngữ Nhân-vật

Luận-Ngữ Chính-Nghĩa

Trung-Quốc Thi-Phái

Trung-Quốc Họa-Pháp luận

Việt-Nam Văn-Pháp

Tân-Học-Thuật từ điển

Khảo về văn biên-ngẫu

Tâm nguyên đại từ điển

Bách khoa đại từ điển v.v...

- *Lam-Giang* : Đông Tây thi ca hợp giải

- *Vương-Tử* : Cảo-luận

- *Thành-thế-Vỹ* : Triết-Học Tạp-Bút III

**IN TẠI NHÀ IN THỤY-KÝ, 43 PHỐ HÀNG TRỐNG,
HÀ-NỘI, XONG NGÀY 1er MAI 1944
Giá 2\$50**

QUỐC-HỌC THU'-XÃ

R. C. HANOI No 855

Giám-đốc LÊ VĂN HÒE

16 bis Rue Tiên-Tsin Hanoi

ĐÃ XUẤT-BẢN

- S. E. Phạm Quỳnh : Sử học (0p.50)

- Lê văn Hòe :

Quốc sử đĩnh ngoa (hết)

Tâm nguyên từ điển (hết)

Học-thuyết Mặc Tử (hết)

Trăm Hoa (0p.60)

Bắc Đẩu Bội tinh (hết)

Giao-Chỉ (hết)

Hàn lâm viện (0p.25)

Sĩ (hết)

Tứ bình (hết)

Tứ phối (hết)

Tứ thư (hết)

Thống-chế (hết)

Khổng Tử học thuyết I (4p.50)

Lược luận về phụ nữ Việt Nam (2p.50)

- Thành-thế-Vỹ :

Đạo sống (gần hết) (2p.00)

Triết Học (0p.25)

Tâm-Lý-Học (0p.25)

Luận-Lý-Học (0p.30)

- Nguyễn-xuân-Nghị :

Lược khảo Mỹ thuật Việt Nam (gần hết) (1p.50), bản đẹp (4p.00)

Tân Hiếu Kính (1p.20)

- Lam-Giang : Triết-Học đại cương (hết)
- Sóng-Băng : Việt-Hoa thông sử sử lược (5p.00)

SẮP XUẤT BẢN

- Lê-văn-Hòe : Lịch-Sử báo chí
- Lam-Giang : Luận-Lý du thuyết yếu-thuật
- Thành-thế-Vỹ : Triết-Học tạp bút I, II
- Mây-Ngân : Thơ Mây Ngân
- Vương-Linh : Giòng cảm-xúc
- Vũ-Băng-Ng-Khắc Kham, Lê-văn-Hòe : Nghệ-Thuật và Danh-Giáo
- Lê-văn-Hòe : Khổng tử học thuyết pho II, III



Notes

[←1]

Các chuyện ở đây liệt theo thứ tự A B C cho tiện.

[↩ 2]

Tức Đoàn-thị-Điểm người làng Hiến-Phạm, huyện Văn-Giang hiệu là Hồng-Hà nữ-sử, lấy làm vợ thứ hai ông Nguyễn-Kiều.

[\[← 3\]](#)

Có người nói bà gốc tích ở Nghệ An sau ra ngụ ở phường Khán-Xuân huyện Vĩnh-Thuận tỉnh Hanoi.

Lại có tên là Dụcê. Người làng Kiệt-Đặc huyện Chí-Linh Hải-dương. Theo cha mẹ tị-nạn lên Cao-băng, năm 17 tuổi, niên-hiệu Hội-Thống triều Mạc, bà thi Hội thi Đình đều đỗ nhất, thầy học đỗ thứ hai.

Hiệu là Nhân-Khanh người làng Nghi-Tàm Hanoi lấy chồng là ông Lưu-Nguyên-Uẩn người làng Nguyệt-Áng làm tri-huyện huyện Thanh-Quan. Bà từng được triệu làm cung-trung nữ-sử dậy cung-nga triều vua Tự-Đức.

Table of Contents

PHỤ-NỮ VIỆT-NAM THEO CHUYỆN CỔ-TÍCH

CHUYỆN TRẦU CAU

CHUYỆN CÔNG-CHÚA TIÊN-DONG

CHUYỆN TRƯỞNG-CHI

CHUYỆN VŨ-THỊ

CHUYỆN TÔ-THỊ

PHỤ-NỮ VIỆT-NAM THEO PHONG-DAO NGẠN-NGŨ

NGƯỜI CON GÁI

NGƯỜI VỢ

NGƯỜI MẸ

PHỤ NỮ VIỆT-NAM THEO VĂN-CHƯƠNG CŨ

BÍCH CÂU KỲ NGỘ

LƯU BÌNH – DƯƠNG LỄ

NGỌC HOA – PHẠM TÀI

PHƯƠNG HOA

TỔNG TRÂN – CÚC HOA

PHỤ-NỮ VIỆT-NAM THEO LỊCH-SỬ

NGƯỜI CỦA QUỐC-GIA XÃ-HỘI

NGƯỜI CỦA DANH-GIÁO

NGƯỜI CỦA VĂN-HỌC